

## Phẩm 7: TỊNH HẠNH

Giải thích phẩm này có bốn môn giống như trước:

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Dựa vào Phạm bản gọi là phẩm Viên Tịnh Hạnh, trong Vô Tánh Nhiếp Luận gọi là kinh Thanh Tịnh Sở Hành, nghĩa là ba nghiệp không có lỗi lầm nói là Thanh Tịnh, tâm khởi nguyện gọi là Hành, hành thuận với tất cả các pháp gọi là Viên, đây là Trì nghiệp thích. Lại nữa, Tịnh là Lý, Hạnh là Trí, Lý-Trí vô ngại là Viên, đây là Y chủ thích. Lại nữa, nguyện là chủ động thanh tịnh, hạnh là thụ động thanh tịnh, khiến cho hạnh sáng ngời xứng với tánh gọi là Viên, bởi vì đều là nguyện hạnh của Phổ Hiền. Lại nữa, nguyện không có cấu nhiễm gọi là Tịnh, tức nguyện là hạnh cho nên nói là Tịnh Hạnh.

**B. Ý:** đưa ra, trước là Giải-tiếp là Hạnh, lại trước là Hạnh-tiếp là Nguyện, nghĩa theo thứ tự cho nên đưa ra.

**C. TÔNG:** là dùng Nguyện hải làm Tông, nhưng Nguyện có bốn loại:

1) Thệ nguyện, nghĩa là trước khi thực hành cần phải có hạn kỳ...

2) Hạnh nguyện, ở đây có hai loại: Một là cùng phát khởi với hành, hai là chỉ đối với sự mà phát nguyện, thì đây là hành để phòng ngừa tâm không cho tán loạn.

3) Nguyện sau hành, nghĩa là đem hành hồi hướng nguyện đạt được Bồ-đề...

4) Nguyện tự Thể vô ngại, nghĩa là Đại nguyện đến cuối cùng giống như biển pháp tánh, tùy ý vận dụng thành tựu tất cả các sự việc. Trong này chỉ luận về Hạnh nguyện, còn lại thì nghĩa gồm chung có thể biết.

**D. TRONG GIẢI THÍCH VĂN:** có hai, trước là hỏi-sau là đáp. Bởi vì đối với duyên khéo léo nguyện không phải là trí thì không thuận thực, cho nên Trí Thủ hỏi; hiển bày sự việc gần mà hướng đến xa, vì điều khó nhận biết, cho nên Văn Thủ đáp.

*Trong hỏi thuận theo nhau là mười một câu phân làm hai:* Đầu là bảy câu trình bày về nhân hạnh thuộc Tự phần, sau là bốn câu trình bày về quả hạnh thuộc Tha phần. Trong phần trước có hai: Đầu là ba câu trình bày về ba nghiệp thành tựu phước trí, sau là bốn câu trình bày về quả của phước trí.

*Trong phần đầu chín loại-ba nghiệp phân làm ba:* Ba loại đầu là

xa lỗi lầm là bởi vì bắt đầu tu tập, nghĩa là lìa xa ba độc. Ba loại tiếp thành tựu ba hạnh là bởi vì lần lượt tu, đó là: a) Tự mình đạt được không mất; b) Người khác không có thể lay động; c) Có thể thâm nhiếp được người khác do đó khiến cho khen ngợi.

Ba loại sau hiển bày về ba đức là bởi vì tu cuối cùng, đó là: a) Phước đức; b) Đoạn đức; c) Trí đức. Đầu lấy sau để giải thích trước, có thể biết.

*Trong phần sau là quả có hai:* Một, Trong mười câu trình bày về phước quả: 1) Y quả thù thắng, kinh Niết-bàn nói: “Thường sinh vào nơi trung tâm có Phật pháp.” 2) Chủng tánh thù thắng, luận Địa Trì nói: “Sinh vào chủng tộc bậc Thượng.” 3) Giàu mà lại sang, là nhà thù thắng, cũng là sinh trong nhà Như Lai. 4) Thân có sắc tướng tốt đẹp, cũng là các căn đầy đủ. 5) Thân có phước tướng, cũng là tướng tốt đầy đủ. 6) Niệm Định cũng là thù thắng, Niệm cũng là tổng trì không quên. 7) Tuệ Quán cũng là báo sinh ra trí, đối với pháp tự nhiên hiểu rõ. 8) Ý thú, nghĩa là hướng về lý... 9) Uy đức thù thắng, cũng là tự tại thù thắng, nghĩa là rõ ràng không có gì khiếp sợ, theo Trí Luận: “Bồ-tát có bốn loại Vô úy khác: a) Tổng trì Vô úy, đối với pháp ghi nhớ không sợ quên mất; b) Nhận biết căn Vô úy, nhận biết căn trao cho pháp không sợ sai lầm; c) Quyết đoán nghi ngờ Vô úy, tùy theo câu hỏi tự nhiên đáp không sợ không chịu nổi; d) Giải đáp chất vấn Vô úy, có chất vấn đều thông suốt không sợ đố kỵ lý bế tắc.” 10) Thường tự mình giác ngộ thông suốt, cũng là giác ngộ người khác, nghĩa là hiểu biết rõ ràng về sinh tử, tâm sinh chán ngán lìa xa.

Hai- Trong chín câu trình bày về trí quả: Câu 1-2 là hơn hẳn phàm phu; câu 3-4 là hơn hẳn Nhị thừa, câu 5 là sâu thẳm cho nên không thể đo lường; câu 6 là công năng rộng lớn cho nên không thể kể hết; câu 7 là lìa xa phân biệt cho nên tình không có thể suy nghĩ; câu 8 là Thể thật cho nên không thể nói được; câu 9 là lìa xa nói năng cho nên không thể nói được.

*Trong phần thứ hai là nhân lực thành tựu hành, có hai:* Một- Lực có thể thành tựu; hai- Từ “Thiện tri...” trở xuống là các hành đã thành tựu.

*Trong phần một có tám lực:* 1) Lực của nhân, như Lương Nhiếp Luận nói: “Đa văn huân tập hòa hợp với tánh hiểu biết trong thức A-lại-da, tất cả Thánh nhân lấy đây làm nhân, tức là Tánh-Tập, đầy đủ hai chủng tánh cho nên nói là đầy đủ.” 2) Ý hiện hành mạnh mẽ, là lực của Chánh tư duy trong Nhiếp Luận, nghĩa là suy nghĩ vốn là ý nghĩa.

3) Phương tiện khéo léo tiến vào pháp, cũng là dựa vào suy nghĩ tác động thân-khẩu mà phát khởi thực hành, cho nên nói là phương tiện. 4) Thiện hữu giúp đỡ thành tựu, là lực của Thiện tri thức trong Nhiếp Luận. 5) Pháp đã quán sát hiện rõ trước mắt dẫn đến trí phát khởi quán sát. 6) Căn cơ đã thuần thực, có thể làm pháp khí tiến vào pháp, lại đầy đủ các căn Tín-Tiến..., và lại tư lương-thiện căn này là hai lực phước-trí trong Nhiếp Luận. 7) Phòng ngừa tâm soi chiếu lý, Chỉ-Quán cùng thực hành. 8) Chỉ và Quán thuần thực rồi có thể đi sâu vào thiền định. Tám loại trên đây đều có thể thành tựu hành, diệt trừ phiền não đạt được Dụng thù thắng của quả, cho nên cùng gọi là Lực. Đối với Lực thứ nhất, Bồ-tát vì sao mà có thể khiến cho đầy đủ Lực ấy, cho nên làm thành câu hỏi.

Phần hai là thành tựu hành, nghĩa là dựa vào các lực trước đây có thể thành tựu Giải-Hành có ba: Một-Khéo léo hiểu rõ pháp tướng, hành có mười pháp, một là Uẩn, hai là Giới, ba là Nhập, bốn là Duyên khởi và ba cõi-ba đời, đều khéo léo nhận biết sai biệt mà không thể có được... Hai-Thâu nhiếp niệm tiến vào lý, hành cũng có mười pháp, đó là bảy Giác-ba Không soi chiếu chân lý. Ba-Tu nhiều về mười Độ, hành có thể biết.

*Trong phần hỏi thứ hai về hành của quả thắng tiến, có bốn: Một-Bên trong, nghĩa là có đủ mười đức thù thắng; hai-Bên ngoài, nghĩa là mười vua cung kính bảo vệ; ba-Bi đức bao phủ khắp nơi; bốn-Trí đức một mình vượt lên trên.*

*Trong phần một có mười Lực sơ lược đưa ra ba môn: a) Giải thích tên gọi; b) Đưa ra Thể; c) Kiến lập (đưa ra riêng biệt).*

*Trong phần ba là Bi đức có chín câu: 1) Làm thiện hữu che mát; 2) Cứu nỗi khổ hiện tại; 3) Khiến cho lìa xa sợ hãi; 4) Làm nơi đạt được vui vẻ; 5) Ngọn đuốc trừ hết bóng tối mê hoặc; 6) Làm cho Đại trí sáng tỏ; 7) Ngọn đèn soi chiếu hiện rõ nghĩa lý; 8) Dẫn đến đạo phương tiện; 9) Dẫn đến nơi cuối cùng. Lại giải thích chín câu thuận theo nhau làm thành bốn: Hai câu đầu là giáo hóa chúng sinh trừ bỏ chướng ngại, nghĩa là che mát chúng sinh khiến cho pháp ác bên ngoài không xâm phạm thì gọi là nhà, ở trong khổ đau có thể trừ bỏ là cứu giúp; hai câu tiếp là giáo hóa mọi vật phát sinh thiện pháp, nghĩa là đầu làm nơi quay về cho mọi vật, cuối làm nơi hướng đến cho mọi vật; ba câu tiếp là dạy dỗ phát sinh trí tuệ, nghĩa là khiến cho hiểu rõ Giáo pháp là ngọn đuốc, thấy Lý pháp là sáng tỏ, khiến cho nhận biết Hành pháp là ngọn đèn; hai câu sau cuối là dẫn dắt để khởi phước, nghĩa là bắt đầu sinh ra*

phước là dẫn dắt, cuối cùng thành tựu phước là dẫn dắt Vô thượng. Lại giải thích riêng biệt như sau trong kinh tự giải thích về Hồi Hưởng thứ nhất, tìm phần ấy phân rõ đầy đủ.

*Trong phần bốn là hỏi về Trí đức một mình vượt lên trên, có bảy câu:* 1) Đệ nhất là phần vị vượt quá thế gian; 2) Đại là Thể của đức không có đối đãi; 3) Thắng là Dụng của hành thù thắng; 4) Thượng là phía dưới không có thể sánh kịp; 5) Vô thượng là phía trên không có gì có thể vượt quá; 6) Vô đẳng là những điều khác không có gì có thể sánh bằng; 7) Vô đẳng đẳng là tự tướng... của Đại Thánh không có gì sánh bằng, cho nên nói là Vô đẳng đẳng. Lại giải thích: Đệ nhất có hai nghĩa, một là Đại-hai là Thắng, cho nên nói là Đệ nhất, nghĩa là đức giáo hóa hơn người gọi là Đại, đức tự mình hơn người gọi là Thắng. Đại có hai nghĩa, một là Thượng-hai là Vô thượng, cho nên nói là Đại. Thắng có hai nghĩa, một là Vô đẳng-hai là Vô đẳng đẳng, cho nên nói là Thắng.

*Trong phần đáp thứ hai có hai:* Một là khen ngợi thưa hỏi, hai là đáp chung. Trong phần một, nhiều lợi ích là trao cho nhân hạnh, nhiều an ổn là khiến cho đạt được quả, đây là hai dấu hiệu, Tuệ lợi giải thích phần đầu, an lạc giải thích phần sau. Lại giải thích: Đầu là lợi ích thành tựu về nhân quả xuất thế, sau từ “Ai mãi...” trở xuống là khiến cho lợi ích về nhân quả trời-người. Lại trong Phật Địa Luận quyển thứ bảy nói: “Khiến cho tu nhân thiện gọi là lợi ích, giúp cho đạt được quả vui sướng gọi là an lạc. Lại khiến cho lìa xa pháp ác gọi là lợi ích, khiến cho thâm nhiếp pháp thiện gọi là an lạc. Lại bạt trừ đau khổ gọi là lợi ích, giúp cho vui sướng gọi là an lạc. Đời này-đời khác, thế gian và xuất thế gian... nên biết cũng như vậy.”

*Trong phần hai là đáp chung có ba:* Một là nêu ra ý đáp; hai là đáp bằng kệ tụng; ba là kết luận về tướng lợi ích. Trong phần một có hai: Trước là đưa ra ý tổng quát nêu lên, nghĩa là thành thực thân-khẩu-ý là dùng nguyện làm thanh tịnh ba nghiệp, từ “Năng đắc...” trở xuống là trình bày về tướng lợi ích đã đạt được. Sau từ “Ư Phật...” trở xuống là giải thích về thành tựu ba nghiệp đạt được công đức tuyệt diệu. Trong đó có hai: Một-Trình bày về nhân hạnh thuộc Tự phần, trong đó có ba: 1) Trình bày về đức thù thắng của ý nghiệp; 2) Từ “Khứ lai...” trở xuống là trình bày về đức thù thắng của ngữ nghiệp, trong đó: a) Tổng quát phân rõ; b) Không rời bỏ chúng sinh là trình bày về Pháp luân ứng cơ; c) Trình bày về thông hiểu Thật tướng là Pháp luân ứng lí; d) Đoạn ác là Pháp luân lìa xa sai lầm; e) Đầy đủ thiện là Pháp luân vốn có đức đầy đủ. 3) Từ “Sắc tướng...” trở xuống là trình bày về đức thù thắng của

thân nghiệp.

Hai là trong hành của quả thắng tiến: 1) Đầy đủ Chủng trí; 2) Đối với pháp vô ngại; 3) Phân rõ về đức của Định, Phật là bậc nhất, chọn lấy khác với Phật cho nên nói là thứ hai.

*Trong phần thứ hai nêu ra tụng chính thức đáp, có hai:* Đầu là nêu lên, sau là chính thức đáp. Trong đáp có 140 nguyện đáp chung về các câu hỏi trước đây, vì sao như vậy? Bởi vì trong mỗi một nguyện đều có sáu nghĩa, có thể tùy theo sự chuyển đổi những thói quen vốn có, phòng ngừa làm thanh tịnh ba nghiệp, khéo léo thành tựu hạnh Tự lợi-Lợi tha của Bồ-tát, Thế hợp với pháp Phổ Hiền đầy đủ các lợi ích trên, cho nên đáp chung về các câu hỏi ấy: 1) Chuyển đổi rời bỏ sự việc; 2) Chuyển đổi thành tựu pháp; 3) Chuyển đổi người khác khiến cho lìa xa lỗi lầm; 4) Chuyển đổi người khác khiến cho tiến vào pháp; 5) Chuyển đổi lìa xa lỗi lầm của mình; 6) Chuyển đổi thành tựu công hạnh của mình. Tạm thời dựa theo một nguyện thứ nhất mà đưa ra, còn lại mỗi một nguyện đều dựa theo biết rõ. Nghĩa là: Một-Nguyện chuyển đổi việc nhà đã cư trú, là chuyển đổi rời bỏ sự việc; hai-Nguyện thành tựu pháp Không đã chứng, là chuyển đổi thành tựu pháp, như kinh Tịnh Danh nói nhà hoàn toàn trống lạng, là nói đến điều này; ba-Nguyện chúng sinh lìa xa hoạn nạn của gia đình, là chuyển đổi người khác khiến cho lìa xa lỗi lầm; bốn-Tiến vào trong pháp Không, là chuyển đổi người khác khiến cho tiến vào pháp; năm-Tự mình tuy ở nhà nhưng vì vậy mà phát nguyện, chuyển đổi tâm của mình nhìn thấy gia đình, không dấy lên tách khỏi gia đình thế gian, khiến cho lỗi lầm tai họa không đưa vào tâm mình, là chuyển đổi tự mình lìa xa; sáu-Đã không thấy gia đình thế gian thì thấy trở thành pháp, thương xót nghĩ đến chúng sinh khiến cho tiến vào pháp Không này, là tự mình chuyển đổi thành tựu Bi-Trí-Hạnh.

Trong sáu nghĩa này, bốn nghĩa trước sẽ thành tựu bởi vì là hạn kỳ chủ yếu của Thệ nguyện, hai nghĩa sau đang chín muồi bởi vì đây là Hạnh nguyện. Sở dĩ có sáu nghĩa này là bởi vì trong một nguyện cần phải có ba nghĩa: Một là sự việc đã dựa vào, hai là đều vì chúng sinh, ba là trí của mình duyên vào đó. Ba nghĩa này đều có hai loại là xả bỏ sự việc thế gian-thành tựu pháp môn, cho nên có sáu nghĩa. Như vậy tùy theo sự việc phòng ngừa không thuận theo pháp thế gian, thường trải qua pháp lý không mất đi chánh quán, là ý này. Lại trong các nguyện dưới đây tùy theo sự việc thuận nghịch sai biệt theo nhau sơ lược phân rõ về mười xu thế: 1) Xu thế chuyển đổi Sự tiến vào Lý, như kệ đầu chuyển đổi sự việc gia đình tiến vào lý Không...; 2) Xu thế chuyển đổi

nhiệm trở thành tịnh, như nếu có được năm dục là nhiễm, công đức đầy đủ là tịnh...; 3) Xu thế tương tự chủng loại mà chuyển đổi, như bố thí chuyển đổi khiến cho đều xả bỏ tất cả, tâm không có gì vướng mắc...; 4) Xu thế chuyển đổi nhân thành tựu quả, như đảnh lễ tháp Phật là hành thuộc về nhân, đạt được đạo không thấy đỉnh cao là quả...; 5) Xu thế chuyển đổi thế gian giống như xuất thế, như ở phòng ốc... là thế gian, địa vị Hiền Thánh là xuất thế; 6) Xu thế chuyển đổi y báo giống như chánh báo, như thấy thành quách là y báo, thân Kim Cang... là chánh báo; 7) Xu thế chuyển đổi giả tạo quay về chân thật, như thấy người Tiên..., bởi vì Tiên không phải là chân thật giải thoát, chuyển đổi hướng đến Chánh pháp chân thật đến cuối cùng giải thoát; 8) Xu thế chuyển đổi người giống như pháp, như thấy người tật bệnh..., thân Không là pháp, bởi vì biết thân người bệnh tức là pháp Chân Không thì khổ nào không thoát; 9) Xu thế chuyển đổi cảnh thành tựu hành, như thọ giới mặc ca-sa... là cảnh lìa xa ba độc, tâm hoan hỷ là hai hành Trí-Đoạn; 10) Xu thế chuyển đổi hư giả giống như chân thật, như nếu ở chốn kỹ nhạc là hư giả, vui với pháp là chân thật. Những kệ còn lại đều tương tự mà biết rõ thôi.

*Ngay trong văn này, trường hàng phân làm mười:* 1) Trình bày về nguyện lúc Bồ-tát tại gia. 2) Từ “Dĩ tín xả gia...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc bắt đầu xuất gia. 3) Từ “Thọ trì tịnh giới...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc đã xuất gia rồi thọ cấm giới. 4) Từ “Nhược phu sàng tòa...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc đầy đủ giới rồi tu tập thực hành Định-Tuệ, bởi vì người xuất gia thì ba Học là sự tu tập chính thức của mình. 5) Từ “Hạ sàng an túc...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc đã xuất Định rồi ở tại trú xứ đầy đủ oai nghi đi đứng. 6) Từ “Thủ chấp tích tượng...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc bởi vì khát thực làm lợi ích chúng sinh, cho nên nhanh chóng bước trên đường đi. 7) Từ “Kiến thú cao lộ...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc ở đường đi thấy-nghe các sự việc, trong này có hai: Một là thấy sự việc thuộc y báo, hai từ “Kiến nghiêm sức nhân...” trở xuống là trình bày về thấy sự việc thuộc về người và vật. 8) Từ “Nhập lý khát thực...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc đi vào thôn xóm khát thực. 9) Từ “Nhược nhập thủy thời...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc ăn xong lễ tụng. 10) Từ “Hôn dạ...” trở xuống là trình bày về nguyện lúc ngày-đêm ngủ-thức. Như vậy từ đầu đến cuối tùy theo sự việc phát nguyện, không có điều gì trôi qua trống rỗng. Trí Luận quyển thứ 12 nói: “Người trí tuệ có hai: Tại gia gọi là Bà-la-môn, nghĩa là bảy đời thanh tịnh, sinh

ra đủ sáu tuổi đều thọ giới xuất gia gọi là Sa-môn, Trung Hoa nói là  
dừng mọi điều ác (Tức Ác).”

Hỏi: Vì sao trong kinh Anh Lạc trình bày về nguyện tiến vào Lý,  
kinh này phần nhiều trình bày về nguyện đối với Sự?

Đáp: Kinh này thuận theo Nhất thừa, ở trong Sự làm lợi ích to lớn;  
kinh ấy dựa theo Tam thừa, ở trong Sự không thù thắng cho nên phân  
rõ tiến vào Lý.

---



**Phẩm 8: HIỀN THỦ BỒ TÁT**

**Giải thích phẩm này đưa ra bốn môn:**

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** theo bản Phạm gọi là Bạt-đà-la, Trung Hoa nói là Hiền; Thất Lợi, Trung Hoa nói là Cát Tường, hoặc nói là Đức, hoặc nói là Thủ, hoặc nói là Thắng, vì vậy không phải là Thủ của nghĩa ban đầu-đứng đầu, cũng không phải là Thủ của nghĩa Thượng thủ. Như vậy Phạm ngữ đều có tên gọi sai khác, ở đây chỉ bởi vì hiển bày về đức thù thắng siêu tuyệt cát tường là Thủ, đương Thể rất thuận hòa mềm mại là Hiền. Hiền là dựa theo Thể tánh, Thủ là dựa theo Đức dụng, là Trì nghiệp thích. Đối với Tín này đầy đủ tiến vào phần vị Phổ Hiền, có đủ hai nghĩa, nếu dựa theo quả thì cõi Phật Hiền Thủ... ở văn sau, trong này dựa theo nhân cho nên nói là Bồ-tát. Hoặc chỉ dựa theo người thì Hiền Thủ là Bồ-tát. Lại bởi vì người này là người thuyết pháp, cho nên thuận theo người làm tên gọi. Hoặc chỉ là pháp thì Bồ-tát là Hiền Thủ, cho nên pháp đã nói cũng là pháp môn của Bồ-tát Hiền Thủ. Hoặc người và pháp hợp lại làm đề mục, là Y chủ thích.

**B. Ý:** đưa ra, thâm nhiếp hạnh nguyện trước đây để thành tựu đức dụng rộng lớn của Phổ Hiền cho nên đưa ra.

**C. TÔNG:** là trình bày về Thể-Tướng-Dụng rộng lớn vô biên của hạnh vị Phổ Hiền từ đầu đến cuối đều bao quát, thuận theo ở Tín môn thâm nhiếp đầy đủ các phần vị thành tựu diệu quả của Phật, là trình bày ở phẩm này.

**D. GIẢI THÍCH VĂN:** trong này có hai: Trước là hỏi, sau là đáp. Trong hỏi cũng có hai: Trước là người kết tập kinh đưa ra theo thứ tự, vì sao Văn Thù hỏi Hiền Thủ đáp, là dùng Tín tiếp nhận vạn hạnh không phải là Diệu Đức thì không có thể phát khởi, Tín bao gồm sáu phần vị không phải là Hiền Đức thì không có thể tuyên dương, lại thông hiểu sâu xa hiển bày về Tuệ, công đức thanh tịnh làm sáng tỏ về Phước. Hai là trong phần dùng tụng chính thức thưa hỏi có hai: Một là kết thúc phần trước, hai là thưa hỏi phần sau. Trong phần này cũng có hai: Trước là hỏi về hành sâu xa, sau là hỏi về đức rộng lớn. Vì sao trong này hỏi đáp đều dùng kệ tụng? Giải thích có hai nghĩa: 1) Bởi vì đức sâu rộng bao quát từ đầu đến cuối, nói phân tán khó mà đầy đủ, cho nên dùng kệ tụng để thâm nhiếp tổng quát; 2) Bởi vì hiển bày về đức tròn vẹn thù thắng vi diệu, cho nên dùng ngôn từ tốt đẹp để ca ngợi thuật lại. Địa Luận nói: “Kệ tụng là bởi vì ít chữ mà thâm nhiếp nhiều nghĩa.” Những điều ca ngợi phần nhiều vốn dùng kệ tụng, chính là hai nghĩa trên.



*Ngay trong phần Hiền Thủ đáp, toàn bộ có 363 tụng:* 13 tụng trước theo thể năm chữ, 350 tụng sau theo thể bảy chữ. Trong đó tổng quát về phần dài có tám phần: 1) Phần ca ngợi về sâu xa khó nói; 2) Phần sơ lược nêu rõ về hành tướng; 3) Phần sơ lược phân rõ về công năng thù thắng; 4) Phần thâm nhiếp các hành vị; 5) Phần Đại dụng không có phương hướng; 6) Phần dụ nói về ý chỉ sâu xa; 7) Phần so sánh khuyến khích phát khởi; 8) Phần hiển bày thật chứng thành tựu.

*Ngay trong phần một ca ngợi về sâu xa khó nói có bảy tụng, trong đó phân ba:* Hai tụng đầu trình bày về đức rộng lớn mà nói tóm lược, có thể biết; bốn tụng tiếp là giải thích về nguyên cơ nói tóm lược; một tụng sau cuối là kết luận về tướng đã tóm lược.

*Ngay trong phần hai là giải thích:* Một- Phân rõ về nơi nương tựa của đức rộng lớn; hai-Trình bày về đức thù thắng dựa vào tâm. Trong phần một có bốn loại khó khăn, cho nên tuy là sơ tâm mà làm cho công đức này rộng lớn vô biên: 1) Xứ khó, đó là ở nơi sinh tử khổ não mà có thể phát tâm, đây là vì khó khăn cho nên sinh ra đức rộng lớn; 2) Thời khó, đó là phát tâm đã lâu mà luôn luôn không lay động chưa đủ để làm khó, nay thì ngược lại với điều này, cho nên sinh ra nhiều đức; 3) Cảnh khó, đó là có thể cầu Bồ-đề vô hạn này, bởi vì tâm thuận theo cảnh cho nên rộng lớn; 4) Tâm khó, đó là nếu phát tâm tiến lùi không nhất định thì sinh ra đức không rộng lớn, nay thì trái lại với điều này, cho nên rộng lớn. Một tụng bốn câu như thứ tự nên biết. Đây là trong ba loại phát tâm của Khởi Tín Luận là Tín đầu tiên thành tựu phát tâm, cho nên gọi là Sơ, giống như Sơ phát tâm Trú trong Thập Trú và phẩm Phát Tâm Công Đức ở văn sau. Đây là dựa theo Tín cuối cùng, luận ấy dựa vào Trú ban đầu, cho nên không hai. Đã dùng Tín đầy đủ tiến vào Trú mới là Tín, sao không Trú đầy đủ tiến vào Hạnh là Trú? Giải thích rằng: Tín không thành tựu phần vị cho nên không đưa ra. Hai là trong đức thù thắng đã khởi: Một tụng đầu nêu ra ít hãy còn không hết, hai tụng sau hiển bày nhiều thì mất lời, đâu có thể nói được, mà nêu ra sơ lược thôi.

*Trong phần ba là kết luận về nói, phần ít có ba lớp:* 1) Nhiều kiếp đã tu, điều này khó mà phân rõ, cho nên tạm thời luận về công đức trong một niệm; 2) Bởi vì công đức trong một niệm này tự Như Lai cùng tận đời kiếp nói không hết, vì vậy tạm thời luận về công đức đã nói trong một thời; 3) Bởi vì công đức đã nói trong một thời này, hãy còn tự nhiên sâu rộng chỉ riêng Đức Phật mới có thể nói được, Bồ-tát không biết, vì vậy nay lại từ trong phần Đức Phật đã nói, chọn lấy phần ít mà Bồ-tát đã biết để nói về điều này.

Vả lại, phần ít này và phần rộng lớn kia dung thông có bốn câu: 1) Bởi vì phần ít này không khác với nhiều, thâm nhiếp ít giống với nhiều thì điều đã nói này cũng là không nói mà nói, như bầu trời mà chim đã bay qua không khác với bầu trời rộng lớn ở những nơi chưa bay qua, cho nên phẩm Tánh Khởi nói: Như chim bay giữa bầu trời, trải qua trăm ngàn năm mà nơi đã bay qua-nơi chưa bay qua đều không thể lường được. Nếu người trăm ngàn kiếp diễn nói về công hạnh của Như Lai, đã nói và chưa nói đều không thể lường được. 2) Hoặc là thâm nhiếp nhiều giống với ít thì nghĩa cũng đầy đủ trọn vẹn, như Địa Luận nói: “Thâm nhiếp giữ lấy đầy đủ như thật.” 3) Hoặc là cả hai đều thâm nhiếp bởi vì cũng nói-cũng không nói. 4) Hoặc là cả hai đều không thâm nhiếp bởi vì không phải là nói-không phải là không nói, đều dựa theo suy nghĩ về điều này.

Hỏi: Vì sao trong này Bồ-tát ở phần vị Tín có thể có công đức rộng lớn như vậy?

Đáp: Đây là công đức thuộc hành của pháp giới Phổ Hiền, nhưng dựa vào Tín môn, trong đó biểu hiện rõ ràng mà nói không hết, nếu phân biệt thì luận tổng quát có bốn câu: 1) Hoặc chỉ dựa theo nơi tướng lên xuống của Tín môn để phân rõ, thì Tín này chỉ là phần vị của nẻo thiện như mảy lông nhẹ..., như kinh Anh Lạc-Bổn Nghiệp và Nhân Vương... nói, đây là dựa theo Tam thừa. 2) Hoặc chỉ dựa theo đức của đương thể Phổ Hiền để phân rõ, nói như phẩm Phổ Hiền Hạnh. 3) Hoặc cả hai, nghĩa là dựa theo Tín môn kia để hiển bày về đức của Phổ Hiền, như phẩm này đã nói, đây là dựa theo phần nhân của Nhất thừa mà nói. 4) Hoặc cả hai đều không phải, toàn bộ không thể nói được, đây là dựa theo nơi lìa xa ngôn ngữ của phần quả. Vì vậy trong Viên giáo đã trình bày về phần vị Tín cùng với Thập Tín trong Tam thừa, nghĩa ấy riêng biệt không giống nhau.

Thứ hai từ “Phi thị vô sở nhân...” trở xuống là sáu tụng trình bày phần sơ lược nêu rõ về hành tướng, trong đó có hai: Trước là một tụng tổng quát nêu ra nhân duyên để giải thích về nguyên cơ thành tựu phát tâm rộng lớn. Trong này, nhân gọi là chủng tánh Như Lai, duyên gọi là do thói quen mà thành tánh. Lại theo Địa Trì và Du Già, nhân có bốn loại: Một là chủng tánh đầy đủ, hai là Phật Bồ-tát và thiện hữu thâm nhiếp, ba là khởi tâm Đại Bi, bốn là không sợ hãi khổ đau. Duyên cũng có bốn: Một là thấy những thần biến của Phật, hai là tuy không thấy Phật nhưng được nghe pháp, ba là tuy không nghe pháp mà thấy pháp sắp diệt, bốn là thấy chúng sinh tạo ác ở những nơi không có Phật pháp.

Lại có bốn Lực: Một là Tự lực; hai là Tha lực; ba là Lực của Nhân, đó là vốn có thói quen nghe và huân tập những pháp Đại thừa; bốn là lực của phương tiện, đó là nghe pháp mới có thể tu thiện... Lại bốn Nhân-bốn Duyên và Tự lực-Nhân lực là quyết định phát tâm, Tha lực-Phương tiện lực thì không nhất định phát tâm. Lại trong luận Khởi Tín-kinh Trí Ấn có bảy nhân duyên phát tâm, đó là ba vững chắc-bốn lui sụt, như kinh-luận ấy nên biết. Trên đây là dựa theo Tam thừa, nếu theo kinh này thì có mười loại nhân duyên phát tâm Bồ-đề, nói như văn sau. Đây là dựa theo Nhất thừa. Lại dùng sự huân tập trong Như Lai Tạng làm nhân, những pháp khác làm duyên.

Hai là giải thích về tướng đã phát tâm. Trong này, luận chung có mười nghĩa, đều là nghĩa về nhân duyên công đức rộng lớn của mỗi tâm, cho nên nói không phải là không có nhân gì... Mười nghĩa về tâm: 1) Hai câu đầu trình bày về tâm thẳng thắn hướng đến lý, luận nói tâm thẳng thắn vốn là Chánh niệm về pháp Chân như. 2) Tiếp theo một tụng trình bày về tâm tin sâu sắc vào Tam Bảo. 3) Có một tụng về tâm xa lìa bốn lỗi lầm, bốn câu đều là một có thể biết. 4) Một tụng về tâm Đại nguyện cứu độ chúng sinh. 5) Hai câu trình bày về tâm Đại Từ Đại Bi, nghĩa là bởi vì bạt trừ đau khổ mang lại niềm vui. 6) Một câu về tâm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. 7) Một câu về tâm thường xuyên cúng dường chư Phật. 8) Một câu về tâm kiến lập Chánh pháp. 9) Một câu về tâm đích thực mong cầu quả thù thắng. 10) Tâm thanh tịnh tu nhân của quả. Mười tâm trên đây đều vốn là cảnh sở duyên vô hạn lượng, khiến cho tâm thâm nhiếp công đức cũng vô hạn, cho nên văn sau nói: Bồ-tát không vì cúng dường một Đức Phật mà phát tâm, không vì cúng dường trăm số chư Phật ở trăm ngàn thế giới mà phát tâm, bởi vì muốn cúng dường tất cả chư Phật, vì thế cho nên vô hạn. Như cúng dường chư Phật, tin vào Tam Bảo, lìa xa lỗi lầm, cứu độ chúng sinh, trang nghiêm quốc độ, tất cả đều vô hạn, cho nên rộng lớn. Phần sơ lược nêu rõ về hành tướng, xong.

Thứ ba từ “Thâm tâm tịnh tín bất khả hoại...” trở xuống có chín tụng, trình bày về phần sơ lược nêu ra công năng thù thắng. Trong đó, đầu là hai tụng trình bày về Tín có thể thành tựu phát tâm, bởi vì là căn bản của hạnh; sau là bảy tụng trình bày về Tín có thể thành tựu những công đức khác, bởi vì do hành mà thành tựu.

*Trong phần đầu:* Một là một tụng dựa theo cảnh của Tam Bảo, thành tựu Tín bất hoại mới có thể phát tâm; hai là một tụng dựa theo cảnh của ba Phật tánh, câu đầu dựa theo tin chắc Phật tánh trú trong tự

tánh, câu tiếp là dẫn đưa ra Phật tánh, câu tiếp là cuối cùng Phật tánh đạt được quả. Lại giải thích: Câu đầu là tin Phật và Giáo pháp, câu tiếp là tin Tăng và Hành pháp, câu tiếp là chính thức hướng về Quả pháp của Tín, sau nhờ vào Tín sâu sắc này thành tựu mới có thể phát tâm. Lại trong này, Tín bất khả hoại là Tín đầy đủ tâm nhất định không lui sụt cho nên nói là Bất hoại, dựa vào Tín này mà phát tâm, cho nên biết tâm này đã tiến vào Trú; nhưng dựa theo phương tiện chủ động tiến vào cho nên thuộc về Tín cuối cùng.

Trong phần sau là trình bày về thành tựu công đức, không phải là dứt khoát thành tựu phần vị của Sơ phát tâm trước khi tiến vào Thập Trú, lại cũng bao gồm thành tựu tất cả hành vị trong phần vị sau này, vì vậy trong này sơ lược phân rõ về 20 công đức đã thành: 1) Có thể sinh ra phước trí, nghĩa là căn bản của giác đạo, mẹ của phước đức. 2) Có thể đoạn trừ nghi ngờ nêu rõ về đạo. 3) Tâm kiên cố có thể lìa xa cấu nhiễm, nghĩa là trừ kiêu mạn giải thích về lìa xa cấu nhiễm, kính trọng nguồn gốc giải thích về tâm kiên cố. Ba loại trên đây đều có hai câu như thứ tự nên biết. 4) Thể của Tín đầy đủ đức cho nên như kho báu. 5) Tiếp nhận pháp thành tựu hành cho nên như rửa tay sạch. 6) Có thể bỏ cấu nhiễm lìa đấm trước. 7) Có thể hiểu rõ về pháp sâu xa khó hiểu. Bốn loại trên đây đều có một câu nên biết. 8) Chuyển đổi tiến lên thành tựu quả, hai câu có thể biết. 9) Có thể khiến cho thiện căn rõ ràng sắc bén. 10) Lực dụng không có gì hư hoại. 11) Có thể diệt trừ ác nghiệp. 12) Có thể đạt được Đại quả. 13) Tiến vào pháp không có gì ngăn ngại. 14) Lìa xa báo chướng của tám nạn. 15) Có thể vượt qua cảnh ma. 16) Khéo léo chỉ ra nhân giải thoát. 17) Làm nhân vững chắc cho Đại quả, nghĩa là tất cả các pháp công đức của Phật địa, không có pháp nào không lấy Tín bất hoại để gieo nhân của địa ấy. 18) Sinh ra quả của cây Giác. 19) Mở rộng cửa Chủng trí. 20) Chỉ rõ quả Diệu Giác. Trên đây, tám loại là hành thuộc Tự phần, mười hai loại sau là đức Thắng tiến. Những công đức này đều là đức đã thành tựu của các phần vị sau này cho đến Phật địa, đều ở trong Tín mà thành tựu.

Một tụng sau cuối kết luận ca ngợi hiển bày về thù thắng. Vì thế cho nên (thị cố) là Tín trước đây có thể thành tựu 20 loại công đức thù thắng ấy, bởi vì trong sự tu hành đã nói theo thứ tự, cho nên tin tưởng vui thích về pháp thù thắng nhất khó mà đạt được; nửa kệ sau là ví dụ, một là dụ về Thể của Tín hiếm có, hai là dụ về có thể phát sinh mọi công đức.

Thứ tư từ “Nhược tín cung kính...” trở xuống có 50 tụng, trình bày

trong phần có thể mở rộng thâm nhiếp các hành vị, có hai: Một là thâm nhiếp hành, hai từ “Nhược sinh Vô thượng Bồ-đề tâm...” trở xuống là trình bày về thâm nhiếp phần vị.

*Trong phần một:* Trước là trình bày về hạnh tín kính Tam Bảo, sau là trình bày về hạnh tín thuận Tam Bảo. Trong phần trước: Một là có ba tụng trình bày về tin Phật thành tựu hai hạnh, hai tụng đầu là thành tựu hạnh trì giới, một tụng sau là thành tựu hạnh cúng dường. Hai là có một tụng về tin Pháp thành tựu hai hạnh, nghĩa là hạnh nghe giáo không có gì chán ngán, hạnh vui mừng chứng được khó mà suy nghĩ. Ba là có một tụng tin Tăng thành tựu hai hạnh, nghĩa là Thể của Tín không có gì hư hoại và Lực của Tín không có gì lay động.

*Trong phần hai là trình bày về hạnh tín thuận Tam Bảo:* Đầu là hai tụng về thuận theo Tăng thành tựu hai hạnh, đó là lợi căn rời bỏ bạn ác và gần gũi bạn lành tu tập công hạnh thù thắng. Tiếp theo một tụng về thuận theo Pháp thành tựu hai hạnh, đó là hiểu rõ pháp về Hành của nhân quả, thành tựu pháp về Quả của giải thoát. Sau cuối một tụng về thuận theo Phật cũng hai hạnh, đó là thuận theo quả Phật bảo vệ, dứt khởi nhân để phát tâm. Trên đây là thâm nhiếp hạnh làm phương tiện tiến vào Thập Trú, xong.

*Trong phần thứ hai là thâm nhiếp phần vị, thâm nhiếp bốn phần vị sau tức là bốn đoạn:*

Một, có hai tụng rưỡi trình bày về thâm nhiếp phần vị Thập Trú, đó là tâm Bồ-đề tức là tiến vào phần vị Trú thứ nhất; thường xuyên tu Phật đức là hạnh của hai Trú tu hành-trị địa (Trú thứ hai-thứ ba); sinh vào nhà của Phật là Trú sinh quý (Trú thứ tư), nghĩa là sinh vào nhà của Phật vốn là chủng tánh tôn quý; vô trước là hạnh của hai Trú thứ năm-thứ sáu; thâm tâm-diệu tinh là hạnh của hai Trú thứ bảy-thứ tám; tâm thù thắng Vô thượng là hạnh của hai Trú thứ chín-thứ mười; đều dựa theo giải thích có thể biết.

Hai, từ “Nhược đắc Vô thượng...” trở xuống là ba tụng trình bày về thâm nhiếp phần vị Thập Hạnh, trong đó Ba-la-mật là tổng quát nêu ra Thập Hạnh. Ma-ha-diễn là khác với Hành thuộc pháp của Tiểu thừa; cúng dường là hành thuận với lý, đó là bốn Hạnh đầu; Niệm Phật-Định là Hạnh lìa xa si loạn (Hạnh thứ năm); thấy Phật thường trú là năm Hạnh sau, bởi vì năm Hạnh sau đều là Bát-nhã thâm nhiếp.

Ba, từ “Nhược tri Như Lai...” trở xuống là hai tụng rưỡi trình bày về thâm nhiếp phần vị Thập Hồi Hương. Trong đó, Hạnh thành tựu xứng với lý cho nên pháp vĩnh viễn tồn tại, nghĩa là Như tướng và Pháp

giới...; biện tài thuyết giảng-hóa độ chúng sinh, là cứu giúp chúng sinh lia tướng của chúng sinh... Bảy Hồi Hương trước cũng là nghĩa về các môn Hồi Hương chúng sinh. Đại Bi là trong phần vị này đã thành tựu hạnh Đại Bi, bởi vì đối trị chướng của Độc giác rời bỏ Đại Bi.

Bốn, từ “Nhược đắc Đại Bi...” trở xuống có 33 tụng trình bày về thâm nhiếp phần vị Thập Địa. Trong đó:

Một là nửa tụng thâm nhiếp Địa thứ nhất, đó là vui mừng với pháp sâu xa là Cực Hỷ địa thứ nhất, đã chứng đầy đủ tất cả Chân như gọi là pháp sâu xa.

Hai là nửa tụng lia xa lỗi lầm của hữu vi, là Ly Cấu địa thứ hai, bởi vì lia xa phạm giới vốn là sai lầm tai họa của hữu vi.

Ba có một tụng trình bày về Địa thứ ba, bởi vì đạt được thiên-lìa xa kiêu mạn cho nên không đắm theo ý vị, vì vậy có thể cùng làm lợi ích cho chúng sinh.

Bốn có một tụng trình bày về Địa thứ tư, bởi vì đạt được Đạo phẩm trí cho nên ở trong sinh tử mà không có gì buồn lo, trong mười Độ hạnh, đây là hạnh Tinh tiến cho nên nói là Tinh tiến Vô thượng.

Năm có một tụng trình bày về Địa thứ năm, bởi vì Địa này thành tựu Thiền độ dựa vào Thiền phát khởi thần thông, lại có thể khéo léo hiểu rõ năm Minh của thế gian, cho nên nói là hiểu rõ hành của chúng sinh.

Sáu có một tụng trình bày về Địa thứ sáu, bởi vì Địa này đạt được Bi-Trí không trú vào Bát-nhã mà Đại trí hiện rõ trước mắt, trong này thành tựu chúng sinh là Bi, thành tựu phát sinh trí là Trí.

Bảy có hai tụng trình bày về Địa thứ bảy, một tụng đầu là hạnh thù thắng trong Hữu vốn là bốn Nhiếp pháp thâm nhiếp chúng sinh, một tụng sau là trí phương tiện trong Không dẫn dắt nhau cho nên khiến trú vào Vô thượng đạo.

Tám có ba tụng trình bày về Địa thứ tám, một tụng đầu vượt qua bốn ma, nghĩa là xả bỏ Phần đoạn cho nên không có ma Ấm, không có xả mạng cho nên lia xa ma Tử, hoặc nghiệp vĩnh viễn không hiện hành cho nên không có ma Phiền não, vì vậy Thiên ma cũng không có được dịp thuận lợi, Địa thứ tám này thành tựu nhân vượt qua bốn ma cho nên gọi là đạo; một tụng tiếp là đạt được phần vị và Nhẫn, đó là phần giải thích tên gọi và phần tịnh nhẫn; một tụng sau là thọ ký phần vị, như Tiên nhân Thiện Tuệ được thọ ký ở Địa thứ tám..., hiện tại trong cõi Phật bốn loại ấy luôn luôn ở trước Phật.

Chín có một tụng rưỡi trình bày về Địa thứ chín, nghĩa là Bồ-tát



ấy làm Đại pháp sư, vốn hiểu rõ giáo bí mật của Phật, thuận theo giáo nói pháp được Phật hộ niệm, Phật đức tự trang nghiêm vì người khác mà nói pháp.

Mười có 21 tụng rưỡi trình bày về Địa thứ mười, trong đó có ba: Một-mười ba tụng rưỡi trình bày về ba nghiệp thù thắng, trong đó trước có năm tụng rưỡi trình bày về thân nghiệp thù thắng, trong này ba tụng về Chánh báo thù thắng, hai tụng rưỡi về Y báo thù thắng; tiếp có bốn tụng trình bày về ngũ nghiệp thù thắng, trong này hai tụng đầu hiểu sâu xa-khéo trình bày, hai tụng tiếp trình bày về Trí thân thuyết pháp; sau có bốn tụng trình bày về ý nghiệp thù thắng, một là Tha tâm trí, hai là Đoạn hoặc trí, ba là Chứng thật trí, bốn là Thập Địa-Thập tự tại... kết luận về phần vị, mười loại như Mạng tự tại... vốn thành tựu ở phần vị này. Hai-Từ “Nhược Thập Địa chủng...” trở xuống có bốn tụng trình bày về phần tâm cuối cùng của Thập Địa tiếp nhận phần vị, nước cam lồ này rưới trên đỉnh... là trình bày về tiếp nhận chức vị này trong Tín đầy đủ. Ba-Từ “Nhược thân...” trở xuống có bốn tụng trình bày về kết luận ca ngợi hiển bày thù thắng: Một tụng đầu trình bày về tiến vào lý sâu rộng trời-người không biết, nghĩa là Pháp thân này đầy khắp hư không mười phương bất động, vì vậy đối với cõi Vô đẳng đẳng này thì chư Thiên-người thế gian không có thể biết được. Một tụng tiếp về hạnh thành tựu-quả đầy đủ, thấy nghe nhiều lợi ích, đối với công hạnh vốn có thì không có gì không phải là quả, những mong cầu trọn vẹn cho nên không có gì không thành tựu quả; lại như phẩm Minh Pháp ở sau nói: Người thấy nghe cúng dường đều trú vào Bất thoái địa, cho nên nói là không trống rỗng. Một tụng rưỡi tiếp là uy lực hộ pháp thường thêm không đoạn dứt, như kinh Duy Ma nói: “Kinh này trú ở thế gian đều là sức uy thần của Di-lặc.” Lại đầu là Thể, tiếp là Đức, sau là Dụng. Nửa tụng sau cuối là kết luận, câu trước là kết luận về Tuệ, câu sau là kết luận về Phước, đều là vô tận như biển.

Lại trong Tín môn này, lần lượt chuyển tiếp đan móc vào nhau thâm nhiếp đầy đủ như vậy, Thập Địa... lấy Tín làm căn bản của đạo, mẹ của công đức, hành tướng của các phần vị đều do Tín mà thành, cho nên trên đây tổng quát nói: Tín có thể chuyển đổi thù thắng thành tựu các hạnh cuối cùng chắc chắn đến nơi của Như Lai. Là nói đến nghĩa này. Lại nói: Ở nơi một Địa thâm nhiếp rộng khắp tất cả công đức của các Địa, là pháp Viên giáo của Nhất thừa này, trong Tam thừa thì không có thể như vậy.

Thứ năm từ “Hoặc hữu sát độ...” trở xuống có 200 tụng rưỡi trình



bày về phần Đại dụng không có phương hướng, bởi vì Tín đầy đủ thành tựu phần vị Hiền Thủ này, giống như ba nghiệp rộng lớn của Phổ Hiền... bao gồm nhân và quả, khắp tất cả mọi nơi chốn, tận cùng tất cả mọi thời gian, thường làm Đại dụng vô biên pháp giới. Đây là thể thức bình thường, ngay nơi tướng mà luận thì không dựa vào các phần vị. Nay dựa theo trong Tín môn hiển bày rõ ràng thì thuộc về Tín thâm nhiếp, nhưng Đại dụng không bến bờ khó mà thuật lại đầy đủ, theo thể lệ phân rõ mười để hiển bày về vô tận, tức là nghiệp dụng của mười Tam-muội môn: 1) Viên minh hải ấn Tam muội môn; 2) Hoa nghiêm diệu hạnh Tam-muội môn; 3) Nhân-đà-la võng Tam-muội môn; 4) Thủ xuất quảng cúng Tam-muội môn; 5) Hiện chư pháp môn Tam-muội môn; 6) Tứ nhiếp nhiếp sinh Tam-muội môn; 7) Cung đồng thế gian Tam-muội môn; 8) Mao quang giác chiếu Tam-muội môn; 9) Chủ bạn nghiêm lệ Tam-muội môn; 10) Tịch dụng vô nhai Tam-muội môn. Bởi vì nghiệp dụng sai biệt mà chủ đều khác nhau, công năng thuần-tạp dựa vào môn không giống nhau, cho nên dùng Tam-muội môn mà phân rõ về sai biệt, như nước ở tất cả mọi nơi chắc chắn như nhau. Lại bởi vì bắt đầu phân rõ về căn bản của Đại dụng, cho nên đầu là hiển bày về Hải ấn, sau là trình bày về Dụng không khác Thể, vì vậy cuối cùng phân rõ về tịch dụng vô ngại.

*Ngay trong văn đầu là Viên minh hải ấn Tam muội môn có năm tụng rưỡi phân hai:* Đầu là trình bày về nghiệp dụng, sau là hiển bày về sở y. Trong phần đầu có năm: Một có một kệ trình bày về thị hiện Phật thuyết pháp. Hai có một kệ hiển bày về không dụng công thành tựu sự việc, nghĩa là không dấy lên công dụng cho nên nói là đoạn dứt hy vọng; lại giải thích bởi vì đầy đủ phần vị của nhân lại không có gì mong cầu cho nên nói là đoạn dứt. Ba có một kệ trình bày về thị hiện tám tướng. Bốn có một kệ trình bày về hiện rõ Tam thừa. Năm có một kệ hiển rõ về tạp loại. Sau là hai câu kết luận về dụng của sở y.

Hải Ấn là từ dụ làm tên gọi, như bốn loại binh lính của Tu-la xếp hàng ở giữa hư không, in rõ hình ảnh ấy vào trong biển rộng; Định tâm của Bồ-tát giống như biển rộng, ứng với căn cơ hiện bày sai khác, vốn như hình ảnh của binh lính kia. Trong kinh Đại Tập quyển thứ 14 nói: “Dụ như thân của tất cả chúng sinh ở Diêm-phù-đề và những sắc ở bên ngoài, các sắc như vậy đều có in rõ hình ảnh ở trong biển, vì thế cho nên gọi là Đại hải ấn; Bồ-tát cũng lại như vậy, đạt được Tam-muội Đại hải ấn rồi có thể phân biệt nhìn thấy tâm hành của tất cả chúng sinh, đối với tất cả pháp môn đều đạt được Tuệ sáng tỏ, Bồ-tát này bởi vì đạt

được Tam-muội Hải Ấn, cho nên nhìn thấy tâm hành của tất cả chúng sinh đã hướng đến.” Giải thích rằng: Trong này, chữ Kiến (nhìn thấy) cũng là chữ Hiện (hiện rõ), nghĩa là do nhìn thấy mà hiện rõ ra, gồm chung hai loại nên biết.

Hỏi: Trong này, đã là Bồ-tát Thập Tín hiện rõ thành Phật, đó là tạm thời hóa hiện, hay là thật sự thành tựu?

Đáp: Nếu trong Sơ giáo Tam thừa thì hoàn toàn không có hóa hiện thành Phật, bởi vì chưa đạt được Bất thối; nếu Chung giáo thì Thập Tín đầy đủ tâm thuộc phần thắng tiến trở lên bắt đầu tiến vào Thập trú, do đạt được Bất thối cho nên có thể tạm thời hóa hiện thành Phật. Như luận Khởi Tín nói: “Nếu trong Viên giáo Nhất thừa thì thật sự không dựa vào phần vị, dựa vào tướng của phần vị thuộc Chung giáo để phân rõ, đối với phạm vi của Tín đầy đủ không lui sụt, thì trình bày đạt được hành đức thuộc pháp giới Phổ Hiền ấy, thâm nhiếp đầy đủ nhân quả viên dung vô ngại. Nếu dùng môn Nhân để chọn lấy thì thường là Bồ-tát, nếu chọn lấy môn Quả thì luôn luôn là Phật, từ đây dung hòa có bốn câu: Hoặc chỉ là Bồ-tát, hoặc chỉ là Phật, hoặc cả hai, hoặc không cả hai, đều suy nghĩ dựa theo điều đó.

Hỏi: Trong này, môn Quả thành Phật cùng với hóa hiện của Chung giáo có gì khác nhau?

Đáp: Giáo ấy chỉ đối với một phần vị dựa vào một thế giới hóa hiện một Phật, trong này có đủ Thập Địa... thâm nhiếp tất cả phần vị. Mười phương thế giới là tất cả mọi nơi, trong từng niệm niệm là tất cả thời gian.

Hỏi: Trong này đã nói thị hiện cũng thuận theo tạm thời hóa hiện giống như Chung giáo trên đây hay sao?

Đáp: Như vẫn không có công dụng hy vọng, có thể trong một niệm đi khắp mười phương. Nếu đức này tự không phải là đầy đủ cùng tận phần vị của nhân thì vì sao có thể đầy đủ như vậy, cho nên biết chắc chắn là đầy đủ hạnh chân thật, không giống như giáo ấy là người ở phần vị kém hơn. Vả lại, tất cả chư Phật ở các thế giới, vì chúng sinh mà thành đạo đều là thị hiện, bởi vì rời bỏ căn cơ dựa theo mình cho nên không có thành-không thành... Lại trong kinh Đại Tập quyển thứ 14 nói: “Đạt được phần vị chính thức Quán đảnh, đối với tất cả các hạnh của Bồ-tát đạt được thân lực tiếp sau Phật. Nếu Bồ-tát thành tựu các pháp như vậy, thì có thể thị hiện tám tướng thành Phật ở thế giới không có Phật, cho đến nói rộng ra...”

Thứ hai Hoa nghiêm diệu hạnh Tam-muội môn, trong đó có hai

tụng rưỡi phân hai: Đầu là phân rõ về nghiệp dụng, trong đó có bảy hạnh: 1) Hạnh trang nghiêm quốc độ; 2) Hạnh cúng dường Phật; 3) Hạnh quang minh; 4) Hạnh giáo hóa; 5) Hạnh trí tuệ; 6) Hạnh thuyết pháp; 7) Hạnh thập độ. Sau là hai câu kết luận về Tam-muội làm chỗ dựa của hạnh, bởi vì hạnh môn vô ngại cho nên gọi là tất cả tự tại. Hoa Nghiêm là hành pháp cho nên kết luận thuộc về pháp, như Hội thứ bảy tiến vào Tam-muội Hoa Nghiêm nói về 2000 hành pháp...

Thứ ba Nhân-đà-la võng Tam-muội môn, trong đó có bốn tụng phân ba: Một-Hai câu đầu nêu ra Định môn, nghĩa là bởi vì muốn hiện bày quốc độ Nhân-đà-la võng, cho nên trước phải tiến vào Nhân-đà-la Định. Hai-Trình bày về nghiệp dụng, trong đó có hai: Trước là trình bày về hiện trong một mảy trần, sau là tương tự tất cả các mảy trần. Ba-Hai câu sau cuối kết luận về Định làm chỗ dựa, tuy pháp giới duyên khởi lý kể ra thường như vậy, nhưng nhờ vào trí lực không rối loạn của Bồ-tát mà được hiển bày rõ ràng, cho nên nói là Tự tại lực; cũng gọi Giải thoát là Bất tư nghị giải thoát, bởi vì lìa xa các chướng ngại; như cuối phẩm Bất Tư Nghị ở văn sau nói có mười loại, đó là trong một mảy trần hiện rõ sự việc của ba đời chư Phật... Vả lại, có thể câu trên là Định lực, Giải thoát là Trí lực, bởi vì không rối loạn là tác dụng của Định, Vô ngại là giải thoát.

Thứ tư Thủ xuất quảng cúng Tam-muội môn, trong đó có mười bảy tụng phân ba: Một-Ba câu đầu nêu ra Định môn. Hai-Phân rõ về nghiệp dụng, trong này có hai: a-Trong tay đưa ra cúng dường, b-Từ “Vô lượng thanh tịnh...” trở xuống là trình bày về tay sáng ngời trang nghiêm cúng dường, bởi vì tay pháp giới này mà câu tánh sai biệt thì hoàn toàn không thể có được, nhưng đưa ra đồ vật cúng dường thì không thể nào cùng tận. Ba-Một kệ sau cuối kết luận về Định làm chỗ dựa, trong kinh Niết-bàn gọi Phật là Đại Tiên.

Thứ năm Hiện chư pháp môn Tam-muội môn, trong đó có tám tụng phân bốn: Một-Một tụng nêu ra môn và ý. Hai-Trình bày về nghiệp dụng có 22 môn, thâm nhiếp chúng sinh tiến vào thông suốt cho nên nói là Môn. Ba-Có hai câu kết luận về Vô tận. Bốn-Một kệ kết luận về Định làm chỗ dựa.

Thứ sáu Tứ nhiếp nhiếp sinh Tam-muội môn, trong đó có 16 tụng một câu phân ba: Một-Một tụng nêu ra Định môn và ý. Hai-Trình bày về nghiệp dụng. Ba-Một câu sau cuối là kết luận về Vô tận.

*Ngay trong nghiệp dụng có bốn:* a) Hai tụng trình bày về Bố thí nhiếp; b) Từ “Dĩ chư tướng hảo...” trở xuống là bốn tụng phân rõ về

Ái ngữ nhiếp, trong đó một là nêu rõ ái sắc khiến cho rời bỏ, hai là dụ dàng dùng Diệu âm để nói pháp. Nghĩa về tám loại Phạm âm này sơ lược đưa ra ba môn: Một là Chủng loại, hai là Danh thể, ba là Nghiệp dụng.

*Trong phần Chủng loại, tra tìm các Thánh giáo có bốn chủng loại:* Một- Dựa theo giáo nghĩa để phân rõ, như kinh Thập Trú nói: “Như Lai có tám loại âm thanh: Một nói là thấy Khổ, hai nói là hưởng Khổ, ba nói là thấy Tập, bốn nói là hưởng Tập, năm nói là thấy Tận, sáu nói là hưởng Tận, bảy nói là thấy Đạo, tám nói là hưởng Đạo.” Tám loại này dùng âm đã nói mà phân rõ, bởi vì dựa theo Dụng của Phật âm. Hai- Dựa theo Thể của Phật âm, cũng như kinh Thập Trú nói: “Phạm âm có tám loại: Một là âm không nam, hai là âm không nữ, ba là âm không cứng, bốn là âm không mềm, năm là âm không trong, sáu là âm không đục, bảy là âm không trống, tám là âm không mái.” Ba- Dựa theo đức của Phật âm cũng có tám loại, như kinh Phạm Ma Dụ nói: “Một là Thanh hay nhất, âm thanh ấy thanh nhã như tiếng chim Ca-lăng...; hai là Thanh dễ hiểu, ngôn từ phân biệt rõ ràng; ba là Thanh điều hòa, lớn nhỏ được thích hợp; bốn là Thanh dịu dàng, lời nói không thô lỗ...; năm là Thanh không lầm, lời nói không sai lầm; sáu là Thanh không nữ, âm thanh ấy mạnh mẽ rõ ràng; bảy là Thanh tuệ cao quý, lời nói không run sợ, như người tôn trọng, như người trí tuệ thù thắng, nói không có gì sợ hãi; tám là Thanh sâu xa, từ vùng rốn phát ra âm thanh như sấm động.” Ba loại trên đây là Thể-Đức-Dụng thuộc Viên âm của Phật phân làm ba mà thôi. Bốn-Dựa theo dung thông có 64 loại Thanh của Phạm âm. Ở đây có hai giải thích: 1-Kể ra riêng biệt 64 loại như trong kinh Mật Tích Lực Sĩ hiển bày bày đủ; 2-Các vị từ trong ba loại trước đây, lấy tám loại đầu đưa vào trong tám loại sau, mỗi một loại có đủ tám, vì thế cho nên tám-tám thành ra 64.

Hai là Danh thể: Một là Danh, đầy đủ năm nghĩa mới gọi là Phạm âm, như kinh Xà Ni Sa nói: “Âm thanh ấy có năm loại thanh tịnh mới gọi là Phạm âm, những gì là năm? Một là âm đó chánh trực, hai là âm đó hòa nhã, ba là âm đó trong trẻo, bốn là âm đó rất tròn, năm là nghe xa khắp nơi. Đầy đủ năm nghĩa này mới gọi là Phạm âm.” Lại nữa, Phạm là từ ngữ tròn đầy trong trẻo, lại như Phạm Thiên ứng với khắp nơi... Thanh là giữ lấy tiếng, âm là trình bày về tiếng ấy có âm vận biểu lộ rõ ràng. Hai là Thể, Tiểu thừa chỉ là Sắc uẩn thân nhiếp, Sắc hữu đối này không có thể thấy được, trong 12 Xứ do Thanh xứ thân nhiếp, trong 18 Giới do Thanh giới thân nhiếp. Sơ giáo thì Thanh

xứ... lấy Không làm tánh, lại trong 11 Thức này thì Thức ngôn thuyết làm Thế; Chung giáo thì Thanh này dùng Thức thanh tịnh của Phật làm tánh, nhưng Thức thanh tịnh này lại không khác với Chân như, cho nên lấy Chân như làm tự tánh của Thanh ấy. Đốn giáo thì Phạm âm gọi là giống với tánh vốn có thì không thể nói được, Viên giáo dùng vô tận pháp giới vô ngại làm tánh, cho nên thấu nhiếp bao gồm tất cả, viên dung tự tại như nói ở phần âm thanh của Như Lai trong phẩm Tánh Khởi sau này.

Ba là trình bày về Nghiệp dụng có hai: Một-Dựa theo lợi ích chúng sinh, Tiểu thừa chỉ lợi ích các chúng ở Hội này, Tam thừa thì lợi ích các chúng hiển-mật, Nhất thừa lợi ích đối với vô tận hiển-mật, nghĩa là trùng trùng vô tận. Hai-Dựa theo phần lượng, Tiểu thừa chỉ giống với âm thanh ngôn ngữ của loài người; Tam thừa thì Phật âm phủ khắp tất cả các cõi, như Mục Liên tìm không biết...; Nhất thừa thì khắp nơi pháp giới Nhân-đà-la võng, trùng trùng vô tận vô tận.

Từ “Chúng sinh khổ lạc...” trở xuống là trình bày về Đồng sự nhiếp. Trong đó: Một là cùng chung việc làm với họ, hai từ “Nhược hữu bất thức...” trở xuống là trình bày về chỉ rõ pháp, mười Hạnh là mười Độ. d-Từ “Hoặc hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về Lợi hành nhiếp. Trong đó: Một là chỉ rõ lỗi lầm của sinh tử khiến cho rời bỏ, hai từ “Như Lai thập lực...” trở xuống là hiển bày về Phật đức khiến cho mong cầu, ba có một câu “Như thị phương tiện vô hữu lượng” là kết luận về vô tận.

Thứ bảy Cung đồng thế gian Tam-muội môn, trong đó có 17 tụng một câu phân hai: Một-Ba câu đầu nêu ra ý; hai-Từ “Bác tổng...” trở xuống là chính thức phân rõ về Đại dụng. Trong đó có hai: a) Trình bày về Dụng của thân nghiệp, b) Từ “Nhược kiến thế gian vô chánh kiến...” trở xuống là trình bày về Dụng của ngữ nghiệp.

*Trong phần a có năm:* 1) Làm lợi ích cho vua quan...; 2) Từ “Hoặc ư khoáng dã...” trở xuống là làm lợi ích cho loài phi tình; 3) Từ “Nhược kiến thế giới...” trở xuống là làm lợi ích cho bậc có Bi tâm; 4) Từ “Chú thuật...” trở xuống là làm lợi ích cho Tiên nhân; 5) Làm lợi ích cho ngoại đạo sinh tâm đều khiến cho giải thoát.

*Trong phần b là Dụng của ngữ nghiệp có ba:* 1) Một kệ tổng quát nêu ra; 2) Riêng biệt hiển bày; 3) Từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là hai câu kết luận về Định làm chỗ dựa, Nhất tâm thuyết pháp gọi là Tam-muội.

Thứ tám Mao quang giác chiếu Tam-muội môn, trong đó có 89

tụng phân bốn: Một- Một tụng nêu ra môn và ý; Hai- Từ “Sở phóng quang...” trở xuống là chính thức phân rõ về nghiệp dụng; Ba- Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận về nguồn gốc làm chỗ dựa; Bốn- Từ “Sở tu hạnh nghiệp...” trở xuống là tiếp tục giải thích về phạm vi thành tựu.

*Trong phần hai là nghiệp dụng có hai: 1-Trình bày về Dụng của ánh sáng ở một mảy lông; 2-Từ “Như nhất mao...” trở xuống là tương tự hiển bày về nhiều mảy lông.*

*Trong một mảy lông trước lại có hai: a) Sơ lược phân rõ về 44 môn; b) Từ “Như thị đẳng tử...” trở xuống là mở rộng kết luận về hằng sa, nghĩa là thân Bồ-tát này giống như pháp giới cùng tận chín đời, bao gồm tất cả vô số thế giới (trần đạo), thường có Đại dụng của ánh sáng như vậy, không có lúc nào ngừng nghỉ, vì thế ánh sáng này thường xác định luôn luôn có-luôn luôn không có, người có mắt thanh tịnh thì không có lúc nào không nhìn thấy cho nên luôn luôn có, người không có mắt thanh tịnh thì không có lúc nào tạm thấy cho nên luôn luôn không có, ánh sáng của pháp luôn luôn xác định, mất đi hay phát ra vốn là thuộc về duyên.*

*Trong phần a, trong 44 môn thì mỗi một môn đều có ba nghĩa: Một là đưa ra tên gọi của ánh sáng, hai là hiển bày về lợi ích của ánh sáng, ba là nêu ra nhân của ánh sáng. Trong nhân của ánh sáng thứ nhất, hoặc dùng lời nói giảng giải để hiển bày về Tam Bảo, hoặc dựa theo sự việc như khai mở Phật môn hiện rõ hình tháp.... Trong nhân của ánh sáng thứ hai, đèn sáng lia xa cấu nhiễm tối tăm cho nên đạt được ánh sáng thanh tịnh, hoặc là đèn chiếu rọi hiện rõ cảnh giới thanh tịnh. Trong hai nhân của ánh sáng thứ ba-thứ tư đều có hai, một là nhân thuộc về sự, hai là nhân thuộc về pháp. Trong nhân của ánh sáng hoan hỷ thứ năm, một là trang sức hình tượng Đức Phật khiến cho người thấy hoan hỷ, hai là ca ngợi công đức của Đức Phật khiến cho người nghe hoan hỷ. Trong nhân của ánh sáng thứ sáu, một là tự vui với Tam Bảo, hai là dạy cho người khác cùng vui. Trong nhân của ánh sáng tịch tịnh, lia mười loại lời nói không đúng pháp, bởi vì lời nói thô ác não hại người làm cho tâm người khác không được yên tịnh, vốn là chướng ngại, theo kinh Nhiên Đăng: “Mười loại lời nói không đúng pháp: Một là lời nói xằng bậy, hai là lời nói làm đau lòng, ba là lời nói thô ác, bốn là lời nói đắng cay, năm là lời nói không vui, sáu là lời nói không thích, bảy là lời nói không mến, tám là lời nói không đi vào tâm, chín là lời nói làm buồn người khác, mười là lời nói kết buộc oán thù.” Lại trong ánh sáng thấy Phật, theo*



pháp của các nước Tây Trúc, có người sắp xả mạng thì để họ nằm xoay mặt hướng về phía Tây, ở trước mặt đặt một pho tượng Phật đứng, pho tượng cũng hướng về phía Tây, dùng một lá phan treo trên ngón tay pho tượng, khiến cho tay người bệnh nắm đuôi lá phan, miệng xưng danh hiệu Phật, làm dấy lên ý niệm theo Phật vãng sinh Tịnh độ, cùng với thấp hương đánh khánh giúp đỡ xưng niệm danh hiệu Phật. Nếu có thể làm được điều này thì không chỉ người mất được sinh ở trước Đức Phật, mà người này cũng sẽ được thấy ánh sáng của Đức Phật. Lại trong nhân của ánh sáng vui với pháp, có bảy: Một là lắng nghe, hai là giảng nói, ba là viết chép, bốn là yêu quý, năm là bảo vệ, sáu là bố thí, bảy là thực hành. Trong này, hộ pháp thì luận chung có bốn nghĩa: Một là bảo vệ Lý pháp bởi vì không vướng vào kiến chấp; hai là bảo vệ Hành pháp bởi vì khiến cho tăng trưởng; ba là bảo vệ Giáo pháp bởi vì giảng nói không mệt mỏi; bốn là bảo vệ Quả pháp, nghĩa là đối địch với hạng vua chúa tàn ác để bảo vệ trụ trì Tam Bảo. Đối với bốn điều này đều không tiếc thân mạng mà giữ gìn Chánh pháp.

Trong phần b là mở rộng kết luận, nghiệp là nhân hưởng về ánh sáng, quả là ánh sáng hiện rõ, cả hai cùng hiện rõ là bởi vì nhân hạnh quá khứ dựa vào môn mười đời cho nên cũng hiện rõ ở đời này.

Trong phần ba là kết luận về chỗ dựa, bởi vì không rối loạn cho nên hiểu rõ ràng, vốn là kết luận về hai môn Định-Trí.

Trong phần bốn là tiếp tục giải thích, sao cần phải tiếp tục giải thích, là bởi vì trên đây nói ánh sáng ấy giác ngộ tất cả chúng sinh, vì sao lại có chúng sanh mà không thấy? Trong giải thích có ba: Một-Hai kệ về pháp thuyết, trong đó có bảy loại chúng sinh, được gặp ánh sáng này bởi vì có duyên: Một là cùng nghiệp, hai là tùy hỷ, ba là nghe tu, bốn là thấy làm, năm là tu nhiều công đức, sáu là cúng dường nhiều Phật, bảy là mong cầu Đại quả. Hai-Có ba kệ rưới về dụ thuyết, trong đó: Một là hai kệ trình bày dụ về mắt mở nhắm của cơ, hai có một kệ rưới trình bày dụ về nghiệp thiện ác của cơ. Ba-Có một kệ trình bày về lợi ích thù thắng của nghe pháp.

Thứ chín Chủ bạn nghiêm lệ Tam-muội môn, trong đó có sáu tụng phân hai: Một- Một kệ nêu ra danh và ý; Hai- Từ “Tam thiên...” trở xuống là chính thức hiển bày về nghiệp dụng, trong đó có năm kệ: Một kệ đầu hóa hiện thân và tòa là chủ, một kệ tiếp là thâm nhiếp quyến thuộc, một kệ tiếp là giải thích về quyến thuộc thù thắng, một kệ tiếp là hiển bày về chủ thù thắng, một kệ tiếp là kết luận bao gồm thân pháp giới vô tận khắp mười phương.



Thứ mười Tịch dụng vô nhai Tam-muội môn, trong đó có 35 tụng phân ba: Một-Một kệ nêu ra ý, trong đó qua lại dựa theo phương, xuất nhập dựa theo Định; hai-Từ “Hoặc Đông phương...” trở xuống là chính thức hiển bày về nghiệp dụng; ba-Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận về vô tận.

*Trong phần hai là nghiệp dụng có hai:* 1) Dựa theo phần vị tổng quát trình bày về tự tại; 2) Từ “Nhất thiết quý thần nhập chánh thọ...” trở xuống là trình bày về tự tại sai biệt vi tế.

*Trong phần một có ba:* a) Trình bày về Khí thể gian tự tại; b) Từ “Đông phương thế giới...” trở xuống là tự tại đối với Trí chánh giác thế gian; c) Từ “Ư nhĩ căn trung...” trở xuống là tự tại đối với Chúng sinh thế gian. Phàm luận về Bồ-tát tự tại đối với ba thế gian có hai nghĩa: Một là thân Bồ-tát làm ba thế gian cho nên được vô ngại, hai là Bồ-tát ở nơi ba thế gian thị hiện tự tại. Nay trong văn này hai thế gian đầu dựa theo nghĩa sau mà nói, Chúng sinh thế gian dựa theo nghĩa trước mà nói. Trong văn nêu ra lẫn nhau, lý thật thì gồm chung khắp nơi có đủ hai nghĩa này.

Ngay trong tự tại của hai thế gian đầu, vì sao có thể thành tựu nhập ở Đông mà xuất ở Tây, luận chung trong văn có bốn tầng vô ngại: Một là Xứ vô ngại, nghĩa là bởi vì phương Đông tức là phương Tây, cho nên không dời khỏi Đông mà thường ở tại Tây.

Hỏi: Trong văn không nói không dời khỏi mà đến, sao chắc chắn không phải là ẩn ở Đông hiện ở Tây?

Đáp: Trong văn đã nói thường thấy ở Đông cũng thường thấy ở Tây, cho nên biết không phải là chuyển dời.

Hai là Phật vô ngại, nghĩa là bởi vì Phật ở phương Đông tức là Phật ở phương Tây, cho nên thường ở trước Phật phương Đông tức là luôn luôn ở bên cạnh Phật phương Tây. Ba là Thân vô ngại, nghĩa là bởi vì thân ở phương Đông tức là thân ở phương Tây, cho nên thân không rời khỏi phương Đông mà thường hiện rõ ở phương Tây.

Hỏi: Lẽ nào là không phân thân, một thân ở phương Đông, một thân ở phương Tây hay sao?

Đáp: Nếu nhiều thân ở nhiều nơi thì sao trở thành kỳ lạ hiếm có, sao có thể gọi là Dụng không thể nghĩ bàn? Vì thế nên biết chắc chắn không phải phân thân.

Bốn là Xuất nhập vô ngại, nghĩa là bởi vì nhập Định tức là xuất Định, cho nên không hoại nhập Định mà thường thấy xuất Định.

Hỏi: Sao chắc chắn không phải là trước nhập-sau xuất?

Đáp: Đã nói thường thấy nhập cũng thường thấy xuất, cho nên biết là như vậy. Trong nghĩa của lý thật có đủ bốn tầng này, nhưng ý văn này là chỉ hiển bày về công lực của Bồ-tát ấy, hai loại đầu không phải là phân rõ ở đây, bởi vì hai loại đầu là Bồ-tát không có lực.

Hỏi: Sát-na này nhập Định vì sao tách ra là xuất Định?

Đáp: Như cái khăn huyền ảo làm ra con thỏ, con thỏ này tức sống là chết. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì có tức là không có, nhập-xuất... cũng như vậy, dựa theo suy nghĩ điều đó. Vả lại, Bồ-tát này dùng pháp giới làm thân, vì vậy tuy thấy ngoài trăm ngàn cõi ở phương Đông, mà pháp giới luôn luôn là pháp giới chứ không phải là pháp có phạm vi giới hạn, cho nên tùy xứ hiển hiện không có xứ nào không hoàn toàn hiện rõ. Bởi vì thân Bồ-tát thường hiện rõ ở trong nhập Định, luôn luôn hiện rõ ở trong xuất Định, vô ngại viên dung khó mà nghĩ bàn được, vì vậy nếu hướng đến trong môn xuất Định thì chỉ thấy xuất chứ không thấy nhập, cũng không thấy lúc đã xuất rồi. Nghĩa còn lại dựa theo điều này. Lại nếu dựa theo cảnh mà luận về lý số thì pháp vốn viên dung như vậy, nếu dựa theo trí mà nói thì do trí của Bồ-tát thông hiểu rõ ràng pháp này xoay chuyển tự tại. Nay trong văn này đầy đủ tất cả hai nghĩa.

*Ngay trong phần Chúng sinh thế gian tự tại, có hai:* Đầu là dựa theo Tự thân, sau là dựa theo Tha thân.

Trong Tự thân dựa theo 12 Xứ phân rõ, trong đó Duyên khởi-Vô ngại-Định đều viên dung, mỗi một loại đều có mười sự-năm cặp về tướng của Vô ngại. Cặp thứ nhất là Căn-Cảnh vô ngại, đã quán căn tiến vào Định trở lại thuận theo từ căn mà rời ra, bởi vì hiển bày căn này tức là cảnh, cho nên từ cảnh mà rời ra. Bởi vì một tâm duyên khởi không hai mà hai, cho nên luôn luôn là tướng nhưng căn-cảnh hai phần. Cặp thứ hai là hai Định vô ngại, đó là hai Định về Lý-Sự, bởi vì phân biệt cảnh thuộc Sự nên tiến vào cảnh Định trở lại tiến vào trong căn, bởi vì quán về căn rộng lặng nên tiến vào căn Định trở lại tiến vào trong cảnh, bởi vì trí phân biệt cảnh thuộc Sự tức là Vô sinh trí quán về căn, cho nên hai Định vô ngại chỉ là một tâm. Cặp thứ ba là hai Cảnh vô ngại, đó là sâu rộng, Sự rộng đã phân biệt ở đây tức là Lý sâu về Vô sinh-Vô tánh, cho nên chân-tục cùng dung hòa chỉ một pháp giới, nhưng bởi vì hai nghĩa không ngăn ngại, cho nên dựa vào Tục đối với Cảnh, dựa vào Chân đối với Căn, lý thật thì thông suốt khắp nơi. Cặp thứ tư là Nhập-Xuất vô ngại, đó là bởi vì nhập Định vốn là xuất Định, thì tuy khởi Định mà niệm không tán loạn. Cặp thứ năm là Thể-Dụng vô ngại, đó là Tự-Tha, nghĩa là tuy hiện bày rộng rãi đối với Cảnh, mà người không có thể

nhận biết, bởi vì luôn luôn vắng lặng; tuy dấy khởi sâu xa đối với Định, nhưng tự tâm luôn luôn không tán loạn. Vì thế cho nên mười nghĩa trên đây cùng làm một tụ, vốn là tướng của pháp giới duyên khởi vô ngại.

Vả lại, trong này còn có ba tầng hy hữu, đó là Căn nhập-Cảnh xuất đã là một hy hữu; lại có thể trong Cảnh tiếp tục nêu ra vô biên phân biệt, không phải là sự nhận biết của trời người, là hai hy hữu; từ Cảnh xuất rồi nêu ra phân biệt này đã rất hy hữu, lại ở lúc ấy tâm Định không tán loạn, lại càng hy hữu. Vì sao như vậy? Bởi vì muốn hiển bày về Tam-muội thuần thực, ở trong vẫn có thể biết.

Hai từ “Đồng tử thân...” trở xuống là vô ngại đối với Tha thân, ở đây có hai nghĩa: Một là Bồ-tát hóa hiện thân ấy chuyển biến nhanh chóng; hai là Bồ-tát đã có đủ thân của ba thế gian, thì dùng thân Thật báo của tất cả chúng sinh để làm tự thân, cho nên hiện bày thân ấy tiến vào-thân này rời ra, mà chúng sinh biến kế kia không hiểu-không biết, trừ ra người cần phải hóa độ. Đây là trình bày về Dụng tự tại của Định có thể biết.

*Trong phần thứ hai là tự tại sai biệt vi tế, cũng là ba thế gian đều phân tích hiển bày rõ ràng. Trong đó, đầu mảy lông-lỗ chân lông là sai biệt của Chúng sinh thế gian, ánh sáng của Phật là sai biệt của Trí chánh giác thế gian, còn lại như vi trần... đều là sai biệt của Khí thế gian, đều là thân Bồ tát hiện rõ xuất-nhập Định ở trong những loại ấy, không phải là quán về Bồ-tát nhập Định..., bởi vì trong vẫn đều nói là hiện bày, hiện là hiện rõ thân ở trong đó.*

*Phần thứ ba là kết luận, có hai ý: 1) Gần thì riêng biệt kết luận về Định thứ mười này; 2) Xa thì gồm chung kết luận về mười môn trước đây là tóm lược, dựa theo thật thì vô tận.*

Thứ sáu là phần dụ nói về ý chỉ sâu xa, cũng gọi là phần nêu ra thua kém hiển bày về thù thắng. Bởi vì trên đây đã trình bày chính thức hiển bày về công đức của hạnh Phổ Hiền thuộc Nhất thừa cùng tận đối với cảnh Phật, nhưng nói phần vị theo thứ tự bởi vì là phần vị Thập Tín của ngoại phàm, đã vượt qua Tam thừa trở lại đối với nghe nhìn, vướng vào tình thức đối với giáo không biết từ đâu để đạt được Tín, cho nên nêu ra sự việc gần này dùng làm gương soi, hướng về sâu xa khiến cho tỏ ngộ thông suốt mà thôi.

*Trong đó có 77 tụng phân hai: Một- Một kệ tổng quát nêu ra, trong đó chúng sinh-nghiệp..., ở văn sau nói chư Thiên Tu-la... là Chánh báo, biển-gió... là Y báo; tiếp một câu là về sau các rồng tuôn mưa...; câu sau cuối là Tam-muội của Thanh văn và Phạm Thiên..., đều đối với*

thế gian không có ai suy lường được, cho nên nói là khó suy nghĩ, vì vậy lấy ví dụ để so sánh. Hai- Trong phân rõ riêng biệt có 18 dụ lớn:

1) Dụ về Thanh văn hiện bày thần thông, là dụ về lực tự tại làm lợi ích cho chúng sinh của Bồ-tát, trong đó có ba: Một là nêu ra ý, nghĩa là lý thật thì thần thông của Thanh văn so với Bồ-tát, như nước trong chậu chân trâu so với biển rộng, ánh sáng đom đóm so với mặt trời, cho nên nói là không có thể làm ví dụ. Nhưng bởi vì nay nêu ra đức của đom đóm hãy còn như vậy, hướng hồ mặt trời chói chang, khiến cho người thông tuệ vượt qua hưởng về hiểu rõ xa xôi, đó là nói rằng người thông tuệ có thể hiểu rõ nghĩa này. Hai từ “Đắc bát...” trở xuống là nêu ra dụ về gần, ba từ “Hiện tác...” trở xuống là hiển bày hưởng đến xa.

2) Dụ về nước hiện rõ bốn loại binh lính, là dụ cho đức Tam-muội Hải Ấn của Bồ-tát.

3) Dụ về âm thanh vi diệu của biển-trời, là dụ cho đức của Bồ-tát tổng trì khéo léo thuyết giảng khiến cho chúng sinh hoan hỷ.

4) Dụ về người nữ trao cho biện tài, là dụ cho đức của Bồ-tát dùng trí phương tiện trao truyền pháp khiến cho vui mừng.

5) Dụ về phép thuật hóa hiện của huyễn sư, là dụ cho đức của Bồ-tát dùng lực giải thoát không thể nghĩ bàn chuyển biến làm vui lòng căn cơ.

6) Dụ về Tu-la tiến vào sợi tơ, là dụ cho thần thông vô ngại tự tại của Bồ-tát.

7) Dụ về voi chúa tùy theo biến hóa, là dụ cho đức của Bồ-tát dùng Định ẩn hiện tự tại.

8) Dụ về Tu-la thân lớn, là dụ cho đức của Bồ-tát hiện rõ thân như pháp giới, đó là như trong Tam thiên Đại thiên thế giới hóa ra một hoa sen khắp các thế giới đều biết, ở văn trên.

9) Dụ về Đế Thích phá bỏ oán thù, là dụ cho đức của Bồ-tát phá tan các ma làm cho phải hàng phục.

10) Dụ về thuyết pháp không âm thanh, là dụ cho đức của Bồ-tát không có tâm dụng công thuyết pháp làm lợi ích cho chúng sinh.

11) Dụ về an ủi không âm thanh, là dụ cho đức của Bồ-tát dùng âm yêu thương trừ hết buồn phiền.

12) Dụ về Thiên Vương ứng với khắp nơi, là dụ cho đức của Bồ-tát dùng thân qua lại khắp nơi ứng với căn cơ vô ngại.

13) Dụ về Ma vương tự tại, là dụ cho đức của Bồ-tát dùng mười lực thâm nhiếp chúng sinh khiến cho cùng nhau thực hành.

14) Dụ về Phạm thân hiện bày khác nhau, là dụ cho đức của Bồ-

tát dùng lực giải thoát an tọa khắp đạo tràng thuyết giảng về tất cả các pháp.

15) Dụ về Ma-hê-số-đế, là dụ cho đức của Bồ-tát trong một niệm nhận biết rõ ràng tâm của tất cả chúng sinh.

16) Dụ về phong luân duy trì phân tán, là dụ cho đức của Bồ-tát thành tựu Đại nguyện xưa kia vô tâm vô ngại mà biện giải thuyết giảng ứng với căn cơ.

17) Dụ về biển rộng chứa đựng, là dụ cho đức của Bồ-tát tích lũy giữ gìn nhiều công đức hiện bày hợp với mọi căn cơ.

18) Dụ về Long vương tuôn mưa khắp nơi, là dụ cho đức của Bồ-tát rưới làn mưa pháp khắp tận cùng pháp giới.

Thứ bảy là phần so sánh khuyến khích phát khởi, trong đó có 10 tụng rưỡi phân bốn: Một- Một kệ ví dụ so sánh về khó; Hai- Một kệ trình bày về thuyết giảng là khó; Ba- Có ba kệ rưỡi hiển bày về tin tưởng thực hành là khó; bốn-Từ “Nhược Tam thiên...” trở xuống là năm kệ nêu ra để hiển bày về khó, đều là một sự việc về sau dần dần khó hơn có thể biết.

Thứ tám là trong phần hiển bày thật chứng thành tựu, có ba kệ: Một, Phân rõ về lợi ích có ba: 1) Mặt đất rung động; 2) Ma quân hàng phục; 3) Diệt trừ khổ đau. Hai, Chư Phật xoa đỉnh đầu. Ba-Thuật lại ca ngợi tùy hỷ. Hội thứ hai, xong.

